

QUYẾT ĐỊNH

Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 42/BC-SKHĐT ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, với nội dung chi tiết theo phụ lục I, II đính kèm.

Điều 2. Sở Y tế chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định và lưu ý:

- Căn cứ vào kế hoạch bố trí vốn để có tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu phù hợp, khi ký hợp đồng với nhà thầu có thỏa thuận rõ, tránh việc nhà thầu thất lạc yêu cầu bổ sung kế hoạch vốn.

- Chủ đầu tư quản lý đầu tư xây dựng công trình theo quy định. Trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo và ký hợp đồng đối với gói thầu thiết bị phải tổ chức điều chỉnh dự toán (nếu có) phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và thực hiện mua sắm thiết bị đảm bảo theo quy định tại điểm a Mục 4 Phần I; Mục 5 Phần I Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 04/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước trong công tác đấu thầu các dự án đầu tư phát triển và hoạt động mua sắm thường xuyên sử dụng vốn nhà nước, trong đó quy định: “*Khi lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phải căn cứ*

danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu, thuốc và vật tư y tế trong nước sản xuất được trên trang thông tin điện tử của các bộ quản lý chuyên ngành để xây dựng cho phù hợp với quy định; Khi lập và phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không được đưa ra yêu cầu hoặc định hướng đối với việc nhà thầu tham dự thầu phải chào hàng hóa nhập khẩu khi hàng hóa trong nước đã sản xuất hoặc lắp ráp được đáp ứng yêu cầu chất lượng, số lượng, giá cả”.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Y tế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức



PHỤ LỤC I KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
(Kèm theo Quyết định số 394 /QĐ-UBND ngày 01 / 02 /2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

2

S T T	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 01 (xây dựng và thiết bị): Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh; nội dung công việc theo Quyết định số 4410/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh và Phụ lục II đính kèm.	8.103.388.000 (Tám tỷ, một trăm linh ba triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn đồng chẵn); trong đó: chi phí xây dựng: 5.686.740.862 đồng, chi phí thiết bị: 2.416.647.200 đồng.	Ngân sách tỉnh (nguồn sự nghiệp)	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý I năm 2021	Trọn gói	Tối đa 240 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
2	Gói thầu số 02 (tư vấn): Lập hồ sơ mời thầu (E-HSMT) và đánh giá hồ sơ dự thầu (E-HSDT) gói thầu số 01.	32.065.000 (Ba mươi hai triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh (nguồn sự nghiệp)	Chỉ định thầu rút gọn		Quý I năm 2021	Trọn gói	Tối đa 45 ngày cho tổng các công việc (thời gian đánh giá E-HSDT tối đa 25 ngày)

3	Gói thầu số 03 (tư vấn): Thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01.	(Tám triệu, một trăm lính ba nghìn đồng chẵn).	8.103.000	Ngân sách tỉnh (nguồn sự nghiệp)	Chỉ định thầu rút gọn		Quý I năm 2021	Tron gói	Tối đa 20 ngày cho tổng công việc
4	Gói thầu số 04 (tư vấn): Giám sát thực hiện gói thầu số 01.	(Một trăm chín mươi chín triệu, tám trăm hai mười lăm nghìn đồng chẵn).	199.825.000	Ngân sách tỉnh (nguồn sự nghiệp)	Chỉ định thầu rút gọn		Quý I năm 2021	Tron gói	Tối đa 240 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
5	Gói thầu số 05 (phí tư vấn): Bảo hiểm rủi ro của chủ đầu tư trong quá trình thi công xây dựng gói thầu số 01.	(Năm triệu, sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng chẵn).	5.686.000	Ngân sách tỉnh (nguồn sự nghiệp)	Chỉ định thầu rút gọn		Quý I năm 2021	Tron gói	Tối đa 240 ngày kể từ ngày ký hợp đồng + 12 tháng bảo hành công trình
6	Gói thầu số 06 (tư vấn): Quản lý dự án.	(Hai trăm ba mươi triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn).	230.392.000	Ngân sách tỉnh (nguồn sự nghiệp)	Chỉ định thầu rút gọn		Quý I năm 2021	Tron gói	Kể từ ngày ký hợp đồng đến khi quyết toán công trình.
7	Gói thầu số 07 (tư vấn): Thẩm định giá thiết bị gói thầu số 01.	(Mười hai triệu, một trăm nghìn đồng chẵn).	12.100.000	Ngân sách tỉnh (nguồn sự nghiệp)	Chỉ định thầu rút gọn		Quý I năm 2021	Tron gói	Tối đa 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
Tổng giá trị các gói thầu		8.591.559.000 đồng (Tám tỷ, năm trăm chín mươi mốt triệu, năm trăm năm mươi chín nghìn đồng chẵn).							

PHỤ LỤC II KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
(Kèm theo Quyết định số 394 /QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai).



Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi phí	Kí hiệu	Số lượng	Thành tiền
Gói thầu số 01 (xây dựng và thiết bị): Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh.				
A	Chi phí xây dựng			5.686.740.862
B	Chi phí thiết bị			2.416.647.200
I	HỆ THỐNG BẢNG HIỆU HƯỚNG DẪN			
1	Bảng hiệu tên Trung tâm ở ngã ba đường Đồng Khởi	Cái	1	
2	Bảng hiệu tên Trung tâm ở cổng	Cái	1	
3	Bảng hiệu tên Trung tâm ở sảnh	Cái	1	
4	Bảng quảng cáo ở sảnh	Cái	3	
5	Logo ISO/IEC 17025	Cái	1	
6	Logo GLP	Cái	1	
7	Bảng giới thiệu dịch vụ	Cái	1	
8	Sơ đồ bố trí các phòng	Cái	1	
9	Bảng lịch công tác	Cái	1	
10	Bảng tin hoạt động	Cái	2	
11	Nội quy cơ quan	Cái	1	
12	Quy tắc ứng xử	Cái	1	
13	Cơ sở y tế không khói thuốc lá	Cái	1	
14	Cấm lửa	Cái	2	
15	Cấm hút thuốc	Cái	2	
16	Không phận sự miễn vào	Cái	7	
17	Bảng tên phòng	Cái	63	
18	Chính sách chất lượng	Cái	2	
19	Bảng chỉ đường (phòng sạch 1 chiều)	Cái	6	
20	Bảng chỉ đường (giữa 3 dãy phòng thí nghiệm)	Cái	1	
21	Bảng hướng dẫn (trong phòng)	Cái	10	
22	Bảng phân công công việc (trong phòng)	Cái	5	
23	Phòng bảo vệ	Cái	1	
24	Nhà xe nhân viên	Cái	1	
25	Nhà xe khách	Cái	1	
26	Khu vực xử lý nước thải	Cái	1	

STT	Nội dung chi phí	Kí hiệu	Số lượng	Thành tiền
27	Khu vực tập trung chất thải	Cái	1	
28	Khu vực máy phát điện	Cái	1	
29	Khu vực xử lý khí thải	Cái	1	
30	Lối thoát hiểm	Cái	6	
31	Bảng WC (Nam, Nữ)	Cái	6	
II	BỐ TRÍ QUẦY TIẾP TÂN, GHẾ CHỜ			
1	Quầy tiếp tân kích thước: 3 x 0,6 x 1,1	Cái	1	
2	Ghế nhân viên	Cái	2	
3	Ghế chờ 5 chỗ	Cái	2	
III	DÉCOR NỘI THẤT			
1	Vách phong nền bằng gỗ FDF kích thước: 3 x 3,5	Cái	1	
2	Bệ gỗ kích thước: 0,5 x 2m	Cái	1	
3	Kệ gỗ kích thước: 1,2 x 0,35 x 0,45	Cái	2	
IV	HỆ THỐNG RÈM CHE, PHÒNG MÀN			
1	Rèm loại 1 kích thước: 2,4 x 1,8	Cái	30	
2	Rèm loại 2 kích thước: 0,8 x 1,6	Cái	34	
3	Phòng màn hội trường kích thước: 5 x 3,6	Cái	1	
V	ĐIỀU HÒA			
1	Cung cấp máy lạnh 1			
	Máy lạnh âm trần 1 HP	Cái	14	
	Máy lạnh âm trần 1.5 HP	Cái	7	
	Máy lạnh âm trần 2 HP	Cái	2	
	Hệ thống đường dây nguồn + ống đồng cho máy lạnh (Chiều dài trung bình 13 md từ cục nóng + cục lạnh)	Bộ	23	
2	Cung cấp máy tăng trệt			
	Máy lạnh treo tường 1.5 HP	Cái	7	
	Máy lạnh treo tường 2 HP	Cái	2	
	Hệ thống đường dây nguồn + ống đồng cho máy lạnh (Chiều dài trung bình 13 md từ cục nóng + cục lạnh)	Cái	9	
VI	HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI			
1	Bể chứa hóa chất bằng inox 304, dung tích bể 6m3 (KT 2x2x1,5m)	bể	1	

STT	Nội dung chi phí	Kí hiệu	Số lượng	Thành tiền
2	Quạt ly tâm	bộ	2	
3	Máy bơm hóa chất đầu inox, thân gang	máy	1	
4	Máy bơm định lượng hóa chất	máy	1	
5	Tháp Hấp thụ, vật liệu inox 304	cái	1	
6	Tháp Hấp thụ bằng than hoạt tính, vật liệu inox 304	cái	1	
7	Than hoạt tính hấp thụ	kg	125	
9	Hệ thống khung thép đỡ bồn hóa chất	HT	1	
VII	HỆ THỐNG CHỐNG SÉT+PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY			
	Hệ thống chống sét			
1	Kim thu sét phát xạ sớm R $\geq$ 65m	cái	1	
	Hệ thống PCCC			
1	Hệ thống kháng trở cuối kênh	bộ	6	
2	Trung tâm xử lý tín hiệu báo cháy 10 zone	HT	1	
3	Hộp đựng vòi chữa cháy KT 700x500x250mm	bộ	8	
4	Cuộn vòi cứu hỏa D65mm dài 20m	md	100	
5	Lăng phun A	cái	16	
6	Tủ đựng bình chữa cháy KT 600x400x200mm (loại chống thấm nước)	cái	10	
7	Cuộn vòi cứu hỏa D50mm dài 20m	md	200	
8	Lăng phun B	cái	10	
9	Van góc D50mm	cái	10	
10	Bình chữa cháy khí CO2 5kg	bộ	10	
10	Bình chữa cháy bột ABC 8kg	bộ	10	
11	Bảng tiêu lệnh, nội quy PCCC	bộ	10	
12	Thiết bị phòng cháy chữa cháy (máy bơm, trụ cứu hỏa, trụ tiếp nước,...)	TB	1	
VIII	TRANG THIẾT BỊ			
1	Passbox	Cái	6	
2	Passbox UV	Cái	3	
3	Air Shower	Cái	1	

STT	Nội dung chi phí	Kí hiệu	Số lượng	Thành tiền
IX	CCLD MÁY PHÁT ĐIỆN 100 KVA	Cái	1	
X	HỆ THỐNG CAMERA AN NINH	Bộ	1	
	TỔNG CỘNG (A+B)			8.103.388.000